

Bản án số: 99/2017/HS-ST
Ngày: 29-11-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Anh Quế

Ông Vũ Khắc Duẩn

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Giang

- Đ2 diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Chí Công - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở, Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 90/2017/TLST-HS ngày 06/11/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2017/QĐXXST-HS ngày 16/11/2017, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Đ1 - Sinh năm 1990

ĐHKKT: Xóm 8 - xã N - huyện Y - tỉnh Nam Định.

Chỗ ở: Thôn D - xã Y - huyện Y - tỉnh Nam Định.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12

Bố đẻ: Nguyễn Văn C (đã chết); Mẹ đẻ: Đỗ Thị N, sinh năm 1952.

Tiền án, tiền sự : Không có

Bị tạm giam từ ngày 09/6/2017.

2. Nguyễn Hồng P - Sinh năm 1977

Tên gọi khác: H, T, Kh.

ĐHKKT: Tổ 11 Khu phố 2 - phường T - thành phố B - tỉnh Đồng Nai

Chỗ ở: Thôn N- xã Y - huyện Y- tỉnh Nam Định.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12

Bố đẻ: Nguyễn Văn N(đã chết); Mẹ đẻ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1944.

Vợ: Cao Thị Huyền T, sinh năm 1986 (đã li hôn); Có 01 con sinh năm 2006. Bị can có 1 con trai sinh năm 2006.

Tiền sự: Không có.

Tiền án: Bản án số 01/2011/HS-ST ngày 04/01/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai đã xử phạt 7 năm 6 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 3/2/2016 chấp hành xong hình phạt phạt tù.

Nhân thân:

- Bản án số 18/2003/HS-ST ngày 18/3/2003 của Tòa án nhân dân quận 2- thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt 2 năm 6 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Từ tháng 11/2006 đến tháng 11/2008 đi cai nghiện bắt buộc tại trung tâm cai nghiện Bồ Lá.

Bị tạm giam từ ngày 12/8/2017.

3. Phạm Duy Đ2 - Sinh năm 1959

ĐKHKT: Phố 11 phường V - TP N- tỉnh Ninh Bình.

Chỗ ở: Ngách 19 - ngõ 594 - phố B - phường N - TP N- tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Trình độ văn hóa: 6/10

Bố đẻ: Phạm Duy Q, sinh năm 1932; Mẹ đẻ: Lưu Thị L, sinh năm 1934.

Vợ: Trần Thị Y, sinh năm 1961; Có 4 con, con lớn nhất sinh năm 1981, con nhỏ sinh năm 1990.

Tiền án, tiền sự : Không có

Bị tạm giam từ ngày 09/6/2017.

***Người làm chứng:**

1. Ông Lê Văn H, sinh năm 1966

ĐKHKT: Thôn N – xã Y – huyện Y– tỉnh Nam Định

2. Ông Vũ Văn C, sinh năm 1956

ĐKHKT: Thôn D – xã Y – huyện Y– tỉnh Nam Định

3. Chi Điều Thị Đ, sinh năm 1986

ĐKHKT: Bản Đ – xã M – huyện T – tỉnh Điện Biên

4. Chi Điều Thị K, sinh năm 1989

ĐKHKT: Bản Đ – xã M– huyện T – tỉnh Điện Biên

5. Anh Trần Tiến N, sinh năm 1973

ĐKHKT: Xóm A P T – xã M – TP N

6. Ông Trần Văn D, sinh năm 1960

ĐKHKT: Số 55 đường Q – phường Q – TP N

7. Ông Đặng Văn T, sinh năm 1962

ĐKHKT: Số 38 P – phường N – TP N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6/2016, Nguyễn Hồng P (tên gọi khác H, T, Kh) thuê nhà của anh Lê Văn H tại thôn Nhì - xã Y - huyện Y- tỉnh Nam Định để kinh doanh cà phê, giải khát lấy tên là quán S (chưa có đăng ký kinh doanh). Cuối tháng 5/2017, lợi dụng việc kinh doanh cà phê, giải khát P đã tổ chức hoạt động mua, bán dâm tại quán cà phê S nhằm thu lợi bất chính. Để tổ chức hoạt động mua, bán dâm P nuôi 2 gái mại dâm là Điều Thị Đ (Th), Điều Thị K (H) tại quán cà phê S. P thỏa thuận với 2 gái mại dâm mỗi lần có khách đến quán cà phê S tìm gái để quan hệ tình dục thì P thỏa thuận giá mua dâm với khách là 200.000đồng/1 lượt đi nhanh, 500.000 đồng - 700.000đồng/1 lượt qua đêm; sau đó P bố trí khách và gái mại dâm đến các nhà nghỉ quanh khu vực thôn D để quan hệ tình dục. Sau mỗi lần bán dâm thì gái mại dâm tự thu tiền của khách, tự trả tiền phòng cho các nhà nghỉ là 30.000đồng/1 lượt đi nhanh và từ 100.000 đồng đến 150.000đồng/1 lượt qua đêm. Số tiền còn lại gái mại dâm về đưa lại cho P, sau đó P trả cho gái mại dâm là 100.000đồng/1 lượt đi nhanh, P chiếm hưởng 70.000đ (bảy mươi nghìn đồng). Đối với các lần bố trí bán dâm qua đêm sau khi trừ tiền phòng thì P và gái mại dâm chia đôi số tiền.

Ngoài ra khi các quán cà phê, nhà nghỉ quanh khu vực thôn Dinh Tân gọi điện đến quán cà phê S có nhu cầu cần gái mại dâm để bán dâm cho khách thì P bố trí Điều Thị Đ (Th), Điều Thị K (H) đi bán dâm. Mỗi lần đi bán dâm ở nơi khác thì P trả cho gái mại dâm là 70.000đồng/1 lượt đi nhanh còn P chiếm hưởng 30.000 đồng.

Do có mối quan hệ họ hàng bên vợ với Phạm Duy Đ2, từ khoảng ngày 01 – 02/6/2017, Nguyễn Hồng P có bảo Phạm Duy Đ2 hàng ngày đến quán cà phê S trông coi điều hành bố trí hoạt động mua bán dâm, chở gái đi bán dâm khi P không có mặt và P hứa sau này sẽ trả cho Đ2 vài trăm nghìn và Đ2 đồng ý. Tất cả các lần Đ2 bố trí gái mại dâm của quán S đi bán bán dâm thì các gái mại dâm tự thu tiền của khách hoặc chủ nhà nghỉ, quán cà phê sau đó đều về đưa lại cho P, còn Đ2 không quản lý số tiền trên.

Nguyễn Hồng P khai nhận từ khi tổ chức hoạt động môi giới mại dâm, P đã thu lợi khoảng 2.000.000 đồng.

Khoảng tháng 4/2017, Nguyễn Văn Đ1 thuê nhà tại mặt đường 10 - thôn Dinh Tân của anh Vũ Văn C để mở quán cà phê giải khát, lấy biển hiệu là Th (chưa có đăng ký kinh doanh). Đầu tháng 5/2017, sau khi sửa lại 3 phòng tại quán để làm phòng nghỉ, Đ1 lợi dụng việc kinh doanh cà phê giải khát để tổ chức hoạt động mua, bán dâm ngay tại quán cà phê Th nhằm thu lợi bất chính. Do không có nuôi gái mại dâm tại quán nên khi có khách đến đặt vấn đề tìm gái để quan hệ tình dục, Đ1 thỏa thuận với khách giá mua dâm cho 1 lượt đi nhanh là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và qua đêm là 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng). Sau đó Đ1 gọi điện đến các quán cà phê quanh khu vực thôn Dinh Tân có nuôi gái mại dâm để bố trí gái đến bán dâm cho khách. Đ1 trả cho gái mại dâm hoặc chủ các quán cà phê số tiền là 100.000đồng/1 lượt đi nhanh và qua đêm là 400.000 đồng, số tiền còn lại Đ1 chiếm hưởng. Do có số điện thoại của Phạm Duy Đ2 ở quán cà phê S nên Đ1 đã nhiều lần gọi điện cho Đ2 để yêu cầu bố trí gái mại dâm đến quán cà phê Th để bán dâm cho khách. Cách ngày 8/6/2017 khoảng 2,3 ngày Đ1 gọi điện cho Đ2 yêu cầu bố trí gái bán dâm đến quán cà phê Th bán dâm cho khách, sau đó tự mình đi xe máy đến quán cà phê S chở gái mại dâm là Điều Thị Đ (Th) về quán cà phê Th bán dâm cho khách và đã trả cho Đ (Th) là 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) cho lần bán dâm đó.

Nguyễn Văn Đ1 khai nhận từ khi tổ chức hoạt động chứa mại dâm, Đ1 đã thu lợi bất chính được khoảng 6.000.000 đồng.

Khoảng 21h ngày 8/6/2017, Trần Tiến N một mình đến quán cà phê Th đặt vấn đề với Đ1 tìm gái mại dâm để quan hệ tình dục; Đ1 thỏa thuận giá mua dâm là 200.000 đồng/1 lượt đi nhanh và N đồng ý, đưa cho Đ1 250.000 đồng (hai trăm năm mươi nghìn đồng) gồm tiền mua dâm là 200.000 đồng và 50.000 đồng trả tiền thuốc lá, nước ngọt. Sau đó Đ1 gọi điện cho Phạm Duy Đ2 yêu cầu bố trí một gái mại dâm của quán S đến bán dâm cho khách. Khoảng 10 phút sau, Đ2 đi xe máy chở gái mại dâm Điều Thị Đ (Th) đến quán cà phê Th bán dâm cho khách. Khi Đ2 chở gái mại dâm đến, Đ1 bố trí cho N, Điềm vào phòng nghỉ thứ 3 sát gian bếp để quan hệ tình dục. Sau đó Đ1 trả luôn cho Đ2 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) số tiền bố trí gái đến mua bán dâm lần này.

Khoảng gần 22h cùng ngày, thì Trần Văn D và Đặng Văn T đến quán Th gặp Đ1 đặt vấn đề tìm gái mại dâm để quan hệ tình dục. Đ1 thỏa thuận giá mua dâm là 200.000đ/1 lượt đi nhanh, Trần Văn D đồng ý và đã thanh toán cho Đ1 460.000đ (bốn trăm sáu mươi nghìn đồng), gồm 400.000 đồng tiền mua dâm của 2 người và 60.000 đồng tiền bia. Đồng thời lúc này khi thấy N và Đ đã quan hệ

tình dục xong đi ra ngoài, nên Đ1 gọi điện cho Đ2 yêu cầu bố trí thêm một gái mại dâm nữa đến quán cà phê Th bán dâm cho khách. Đ1 tiếp tục bố trí cho gái mại dâm Điêu Thị Đ (Th) cùng với Đặng Văn T vào phòng thứ 3 sát gian bếp để quan hệ tình dục. Phạm Duy Đ2 chở gái bán dâm Điêu Thị K (tức H) đến, Đ1 bố trí cho Trần Văn D và K vào phòng thứ 2 để quan hệ tình dục. Khi Đ, T và K, D đang mua bán dâm trong phòng thì bị cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định bắt quả tang về hành vi mua bán dâm.

Quá trình bắt quả tang, khám xét tại quán cà phê Th, Cơ quan CSĐT tạm giữ những đồ vật tài liệu sau:

- Thu giữ của Nguyễn Văn Đ1: 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng) và 01 điện thoại động nhãn hiệu Samsung màu vàng trắng, màn hình cảm ứng đã bị vỡ không kiểm tra chất lượng.

- Khám xét thu giữ 01 quyển sổ ghi chép bìa màu xanh KT (10x15)cm và 04 tờ giấy kẻ ô KT (10x15)cm là giấy Đ1 ghi chép các lần bố trí mua bán dâm tại quán Th. Thu giữ 03 bao cao su đã qua sử dụng tại các phòng nghỉ, 25 bao cao su chưa qua sử dụng;

- Thu giữ của Phạm Duy Đ2: 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng), 02 điện thoại di động (gồm 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 5 màu bạc trắng, 01 điện thoại Nokia màn hình đen trắng) và 01 xe máy Wave BKS18S6-7908. Quá trình điều tra xác định chiếc xe máy nêu trên là Đ2 mua lại của anh Phạm Xuân Thái với giá 7.000.000 đồng (không có giấy tờ mua bán). Ngày 8/6/2017, Phạm Duy Đ2 sử dụng chiếc xe máy trên để chở gái mại dâm đến quán cà phê Th bán dâm cho khách và bị bắt quả tang.

Khám xét khẩn cấp quán cà phê biển hiệu S đã thu giữ: 05 bao cao su chưa qua sử dụng, 01 biển số xe máy 18D1- 314.57 (biển số xe này là do P nhặt ở ngoài đường mang về quán). Ngoài ra còn thu 01 Chứng minh nhân dân (bản photô), 01 quyển sổ lý lịch học viên mang tên Nguyễn Hồng P; 01 chứng minh nhân dân (bản photô), 01 quyển sổ hộ khẩu (bản photô) đều mang tên Nguyễn Thị H, địa chỉ: khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Toàn bộ giấy tờ, tài liệu Cơ quan CSĐT chuyển cùng hồ sơ vụ án. Đối với đồ vật, tiền, điện thoại, xe máy nêu trên Cơ quan CSĐT nhập kho vật chứng thuộc phòng CSTHA và HTTP - Công an tỉnh Nam Định bảo quản chờ xử lý.

Đối với Nguyễn Hồng P, thời điểm Đ2 bị bắt P không có mặt tại quán S. Sau khi biết Đ2 và hai gái mại dâm nuôi tại quán bị cơ quan công an bắt, P đã bỏ trốn không về sinh hoạt tại quán cà phê S nữa. Đến cuối tháng 6/2017 P đã quay lại trả tiền thuê nhà tháng 6 và cắt hợp đồng thuê nhà với anh Lê Văn H. Cơ

quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định đã ra quyết định khởi tố bị can, ngày 12/8/2017 ra Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Hồng P về tội “Môi giới mại dâm”.

Ngoài ra Cơ quan CSĐT còn tạm giữ của Nguyễn Hồng P 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh BKS 35N1-109.39. Chiếc xe trên P mua của anh Nguyễn Như M với giá 35.000.000 đồng (ba mươi năm triệu đồng) nhưng mới trả 15.000.000 đồng (mười năm triệu đồng) nên M chưa viết giấy tờ mua bán xe và giao giấy tờ xe. Do đó cơ quan CSĐT xác định chiếc xe trên còn liên quan đến tranh chấp dân sự nên tách chiếc xe trên ra để xác minh, giải quyết sau.

Đối với Trần Văn D, Trần Tiến N và Đặng Văn T là khách mua dâm; Điều Thị K, Điều Thị Đ là gái bán dâm. Xét thấy hành vi mua bán dâm của các đối tượng trên tại quán Cafe Th ngày 08/6/2017 chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan CSĐT đã ra quyết định xử phạt hành chính, thông báo cho gia đình, địa phương quản lý giáo dục.

Quá trình điều tra, P và Đ2 khai nhận có điều gái bán dâm đến các quán cà phê, nhà nghỉ Sắc Màu, Xuân Thu, Sơn Lâm, Ngọc Lan, Xuân Trường để bán dâm. Cơ quan CSĐT đã triệu tập chủ quán cà phê, nhà nghỉ nêu trên lên làm việc. Tuy nhiên các chủ quán cà phê, nhà nghỉ nêu trên không thừa nhận việc tổ chức hoạt động mua bán dâm tại nhà nghỉ, tài liệu điều tra chưa xác định được thời gian, đối tượng mua bán dâm. Vì vậy, Cơ quan CSĐT tách phần tài liệu này ra tiếp tục theo dõi điều tra xử lý sau.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

*Các bị cáo Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Hồng P, Phạm Duy Đ2 đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân, đều xác định đã bị VKSND tỉnh Nam Định truy tố là đúng tội, không oan.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

*Cáo trạng số 89/QĐ-KSĐT ngày 02/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đã truy tố:

- Bị cáo Nguyễn Văn Đ1 về tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 254 BLHS.

- Bị cáo Nguyễn Hồng P (tức Hùng, Tèo, Khỏ), Phạm Duy Đ2 về tội “Môi giới mại dâm” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 255 BLHS.

Đ2 diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định giữ quyền công tố tại phiên tòa trình bày quan điểm luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng và quyết định đã

truy tố. Sau khi xem xét đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, Đ2 diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đề nghị:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 254; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 BLHS

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ1 từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù;

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 255; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS (đối với bị cáo Nguyễn Hồng P); khoản 2 Điều 46 BLHS (đối với bị cáo Phạm Duy Đ2)

Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Hồng P từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

- Bị cáo Phạm Duy Đ2 từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Phạt tiền bổ sung bị cáo Nguyễn Văn Đ1 từ 05 triệu đến 10 triệu đồng, bị cáo Nguyễn Hồng P từ 01 triệu đến 03 triệu đồng.

Trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Về hành vi phạm tội của bị cáo đã được chứng minh bằng lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay; bằng lời khai của người làm chứng; biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản thu giữ vật chứng; bằng các tài liệu chứng cứ khác đã được thu giữ trong quá trình điều tra, thấy có đủ cơ sở kết luận:

Nguyễn Văn Đ1 là chủ quán cà phê Th tại thôn Dinh Tân - xã Y - huyện Y- tỉnh Nam Định. Lợi dụng việc kinh doanh cà phê, Đ1 đã tổ chức hoạt động mua bán dâm tại quán để thu lợi bất chính từ khoảng tháng 4/2017. Khoảng 22h ngày 08/6/2017 khi Nguyễn Văn Đ1 đang cho các đôi nam nữ mua bán dâm tại quán Th thì bị bắt quả tang. Hành vi của Nguyễn Văn Đ1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa mại dâm”. Do cùng ngày 08/6/2017, Nguyễn Văn Đ1 đã tổ chức cho nhiều đôi nam nữ mua bán dâm tại quán Th nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung “phạm tội nhiều lần” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 254 BLHS.

Nguyễn Hồng P là chủ quán cà phê S tại thôn Dinh Tân - xã Y - huyện Y-tỉnh Nam Định. Từ tháng 5/2017, P nuôi 02 gái mại dâm tại quán để dẫn dắt đi bán dâm cho khách ở các nhà nghỉ xung quanh. P nhờ Phạm Duy Đ2 đến trông coi quán S lúc P vắng nhà và giúp P điều hành, bố trí dẫn dắt gái mại dâm đi bán dâm. Ngày 08/6/2017, Phạm Duy Đ2 đã nhận điện thoại của Nguyễn Văn Đ1 và trực tiếp 02 lần chở gái bán dâm đến quán Th để bán dâm thì bị bắt quả tang.

Hành vi của Nguyễn Hồng P, Phạm Duy Đ2 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Môi giới mại dâm” với tình tiết định khung “phạm tội nhiều lần” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 255 BLHS

Quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định là có căn cứ pháp lý.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, xâm phạm đạo đức xã hội, nếp sống văn minh xã hội chủ nghĩa. Trên các phương tiện thông tin Đ2 chúng, Đảng và Nhà nước đã tuyên truyền giáo dục hành vi chứa mại dâm, môi giới mại dâm nhằm mục đích vụ lợi đều bị nghiêm cấm và xử lý nghiêm, vì đây là một trong những nguyên nhân làm lây truyền các loại bệnh xã hội, ảnh hưởng đến sức khỏe con người, gây thiệt hại đến đời sống tinh thần và kinh tế của cộng đồng xã hội. Các bị cáo là những người có đủ năng lực, tự nhận thức và biết hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật bị Nhà nước nghiêm cấm, nhưng do mục đích tư lợi hám lời, các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, với tính chất tội phạm rất nghiêm trọng. Vì vậy hành vi của các bị cáo cần được xử lý nghiêm nhằm răn đe giáo dục và đáp ứng công cuộc đấu tranh tội phạm mà Đảng và Nhà nước đã đề ra.

Xếp vị trí vai trò các bị cáo trong vụ án:

+ Đối với tội “Môi giới mại dâm”:

- Bị cáo Nguyễn Hồng P là chủ quán S giữ vai trò chính, vì là người trực tiếp điều hành tổ chức việc môi giới mại dâm.

- Bị cáo Phạm Duy Đ2 giữ vai trò đồng phạm giúp sức.

+ Đối với tội “Chứa mại dâm: Bị cáo Nguyễn Văn Đ1 phạm tội độc lập một mình.

Khi lượng hình, về tình tiết tăng nặng xét thấy bị cáo Nguyễn Hồng P phạm tội khi nhân thân có 01 tiền án về tội rất nghiêm trọng chưa được xóa, nay lại phạm tội theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 255 BLHS có khung hình phạt từ 03 năm đến 10 năm thuộc trường hợp tội rất nghiêm trọng đều với lỗi cố ý, nên lần phạm tội này theo quy định của BLHS năm 1999 bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS. Tuy nhiên theo

quy định tại điểm d khoản 2 Điều 328 BLHS năm 2015 có khung hình phạt từ 3 năm đến 7 năm thuộc trường hợp tội nghiêm trọng – do đó nếu theo quy định của BLHS năm 2015 thì bị cáo chỉ phải chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm”. Căn cứ Nghị quyết 41/QH và khoản 3 Điều 7 BLHS theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, Hội đồng xét xử sẽ vận dụng tinh thần điểm d khoản 2 Điều 328 BLHS năm 2015 xác định lần phạm này bị cáo Nguyễn Hồng P phải chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ1, Phạm Duy Đ2 không phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 48 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS

Bị cáo Nguyễn Văn Đ1 đã tự nguyện khắc phục sửa chữa nộp tiền thu lời bất chính do phạm tội mà có nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS.

Bị cáo Phạm Duy Đ2 đã tham gia quân đội, hiện bản thân mắc nhiều bệnh hiểm nghèo, sức khỏe yếu, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS.

Khi lượng hình, xét thấy điểm c khoản 2 Điều 254 và điểm d khoản 2 Điều 255 BLHS năm 1999 có mức hình phạt cao hơn so với mức hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 và điểm d khoản 2 Điều 328 BLHS năm 2015, do đó căn cứ Nghị quyết 41/QH và khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015, Hội đồng xét xử sẽ xem xét vận dụng tinh thần của điểm c khoản 2 Điều 327 và điểm d khoản 2 Điều 328 BLHS năm 2015 để ấn định hình phạt cho các bị cáo.

Trên cơ sở xem xét đánh giá tính chất mức độ hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, xét thấy bị cáo Nguyễn Văn Đ1 lần đầu phạm tội, nhân thân chưa có tiền án tiền sự, không có tình tiết tăng nặng, có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS, đối chiếu với các quy định của pháp luật, thấy có đủ căn cứ áp dụng Điều 47 BLHS để ấn định cho bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đã truy tố.

Các bị cáo Nguyễn Hồng P, Phạm Duy Đ2 chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS, nên cần ấn định cho các bị cáo mức hình phạt trong khung đã truy tố.

Xét các bị cáo trong vụ án đều phạm tội với tính chất tội phạm rất nghiêm trọng nhằm mục đích vụ lợi thu lời bất chính nên thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian; Như thế mới đáp ứng được công cuộc đấu tranh phòng ngừa tội phạm về tệ nạn mại dâm mà Đảng và Nhà nước đã đề ra.

Hình phạt bổ sung: Các bị cáo Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Hồng P thực hiện hành vi phạm tội nhằm mục đích vụ lợi, nên cần áp dụng phạt tiền bổ sung để tăng cường áp lực của việc ngăn chặn phòng ngừa, đẩy lùi tệ nạn mại dâm trong xã hội.

Bị cáo Phạm Duy Đ2 phạm tội với vai trò giúp sức, chưa được hưởng lợi nên thấy không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Số tiền các bị cáo Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Hồng P đã chiếm hưởng bất chính từ việc phạm tội, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Quá trình điều tra, và qua tranh tụng công khai tại phiên tòa đã xác định:

- Bị cáo Nguyễn Văn Đ1 đã chiếm hưởng 06 triệu đồng (bị cáo đã tự nguyện nộp 02 triệu tại Cục thi hành án dân sự, còn phải bị truy thu 04 triệu đồng).

- Bị cáo Nguyễn Hồng P đã chiếm hưởng 02 triệu đồng

Xử lý vật chứng:

- 800.000 đồng cơ quan điều tra đã thu giữ là tiền do các bị cáo Nguyễn Văn Đ1, Phạm Duy Đ2 có được từ việc chứa mại dâm và môi giới mại dâm, xác định là tiền do phạm tội mà có cần tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 thoại di động Samsung (thu của bị cáo Đ1); 01 điện thoại di động Nokia (thu của bị cáo Đ2), qua điều tra xác minh và tranh tụng tại phiên tòa thấy các bị cáo đã dùng điện thoại trên vào việc chứa mại dâm và môi giới mại dâm - xác định là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước.

- 01 xe máy Wave BKS 18S6-7908, qua điều tra xác minh và tranh tụng tại phiên tòa thấy bị cáo Phạm Duy Đ2 đã sử dụng vào việc chở gái mại dâm đi bán dâm - xác định là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước.

- 01 điện thoại di động Iphone thu giữ của bị cáo Phạm Duy Đ2, qua điều tra xác minh và tranh tụng tại phiên tòa thấy không liên quan đến hành vi phạm tội nên tuyên trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

- Các vật chứng khác đã thu giữ còn lại không còn giá trị sử dụng tuyên tịch thu tiêu hủy.

Căn cứ Điều 99 BLTTHS và Pháp lệnh về án phí lệ phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ1 phạm tội “Chứa mại dâm”

Bị cáo Nguyễn Hồng P, Phạm Duy Đ2 phạm tội “Môi giới mại dâm”

2.1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 254; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 BLHS; Nghị quyết 41/QH; khoản 3 Điều 7 và điểm c khoản 2 Điều 327 BLHS năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ1 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/6/2017.

2.2. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 255; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS (đối với bị cáo Nguyễn Hồng P); khoản 2 Điều 46 và Điều 53 BLHS (đối với bị cáo Phạm Duy Đ2).

Nghị quyết 41/QH; khoản 3 Điều 7 và điểm c khoản 2 Điều 328 BLHS năm 2015.

Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Hồng P (tức Hùng, Tèo, Khỏ) 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/8/2017.

- Bị cáo Phạm Duy Đ2 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/6/2017.

3. Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 254 BLHS

Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn Đ1, Phạm Hồng P, mỗi bị cáo 05 (năm) triệu đồng để sung quỹ Nhà nước.

4. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 41, Điều 42 BLHS

Truy thu của các bị cáo số tiền đã chiếm hưởng bất chính do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước, cụ thể như sau:

- Bị cáo Nguyễn Văn Đ1 6.000.000 đồng, được trừ đi 02 triệu đồng bị cáo đã tự nguyện nộp tại biên lai thu tiền số 08450 ngày 28/11/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định, bị cáo còn phải bị truy thu 04 triệu đồng.

- Bị cáo Nguyễn Hồng P 2.000.000 đồng

5. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41, Điều 42 BLHS; Điều 76 BLTTHS

- Tuyên trả lại cho bị cáo Phạm Duy Đ2 01 điện thoại di động Iphone nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 800.000 đồng.

- Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Samsung, 01 điện thoại di động Nokia, 01 xe máy Wave BKS 18S6-7908.

- Tịch thu tiêu hủy các vật chứng còn lại đã thu giữ trong vụ án không còn giá trị sử dụng.

(Chi tiết cụ thể trong ghi trong biên bản giao nhận vật chứng số 10/18 và biên lai thu tiền số 08368 cùng ngày 10/11/2017 giữa Công an tỉnh Nam Định và Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định)

6. Án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Hồng P, Phạm Duy Đ2, mỗi bị cáo đều phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Báo các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao; CA - VKS tỉnh ND
- Cục THA dân sự tỉnh Nam Định
- Bị cáo
- Lưu HS, tòa HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Vũ Thị Mai Hương